

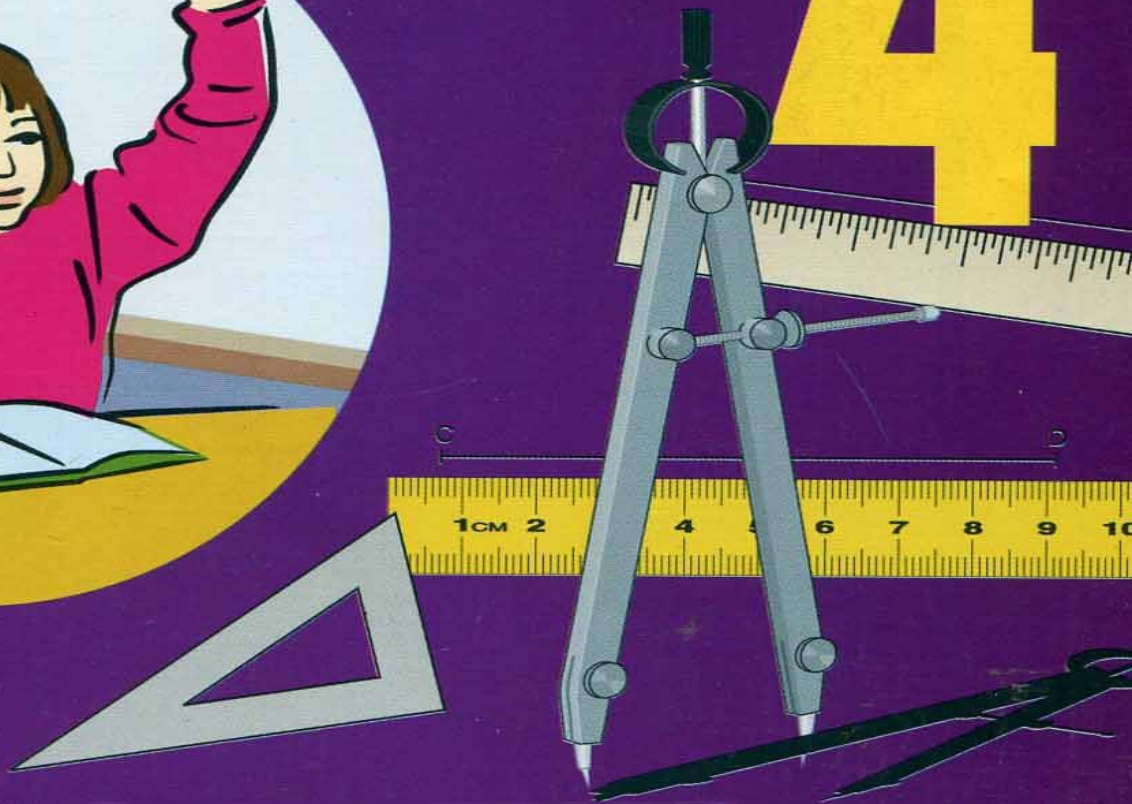
THANH BÌNH

TỔNG HỢP

CÁC DẠNG TOÁN CƠ BẢN

LỚP

4



TỦ SÁCH LUYỆN THI

TỔNG HỢP CÁC DẠNG TOÁN CƠ BẢN LỚP 4

1. DẠNG TOÁN TRUNG BÌNH CỘNG

Bài 1: Xe thứ nhất chở được 25 tấn hàng .xe thứ hai chở 35 tấn hàng. Xe thứ ba chở bằng trung bình cộng 3 xe . Hỏi xe thứ 3 chở bao nhiêu tấn hàng?

Bài 2: Xe thứ nhất chở được 25 tấn hàng .xe thứ hai chở 35 tấn hàng. Xe thứ ba chở hơn trung bình cộng 3 xe là 10 . Hỏi xe thứ 3 chở bao nhiêu tấn hàng?

Bài 3: Xe thứ nhất chở được 25 tấn hàng .xe thứ hai chở 35 tấn hàng. Xe thứ ba chở kém trung bình cộng 3 xe là 10 . Hỏi xe thứ 3 chở bao nhiêu tấn hàng?

Bài 4: Xe thứ nhất chở được 40 tấn hàng .xe thứ hai chở 50 tấn hàng. Xe thứ ba chở bằng trung bình cộng 3 xe . Hỏi xe thứ 3 chở bao nhiêu tấn hàng?

Bài 5: Xe thứ nhất chở được 40 tấn hàng .xe thứ hai chở 50 tấn hàng. Xe thứ ba chở hơn trung bình cộng 3 xe là 10 . Hỏi xe thứ 3 chở bao nhiêu tấn hàng?

Bài 6: Xe thứ nhất chở được 40 tấn hàng .xe thứ hai chở 50 tấn hàng. Xe thứ ba chở kém trung bình cộng 3 xe là 10 . Hỏi xe thứ 3 chở bao nhiêu tấn hàng

Bài 7: Trung bình cộng của n số là 80 biết 1 trong các số đó là 100. Nếu bỏ số 100 thì trung bình cộng các số còn lại là 78. Tìm n.

2. DẠNG TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU

Bài 1

- a) Tìm 2 số chẵn liên tiếp có tổng bằng 4010.
- b) Tìm hai số tự nhiên có tổng bằng 2345 và giữa chúng có 24 số tự nhiên.
- c) Tìm 2 số chẵn có tổng bằng 2006 và giữa chúng có 4 số chẵn.
- d) Tìm 2 số chẵn có tổng bằng 2006 và giữa chúng có 4 số lẻ.
- e) Tìm 2 số lẻ có tổng bằng 2006 và giữa chúng có 4 số lẻ
- g) Tìm 2 số lẻ có tổng bằng 2006 và giữa chúng có 4 số chẵn

Bài 2:

a) Hai anh em Hùng và Cường có 60 viên bi .Anh Hùng cho bạn 9 viên bi; bố cho thêm Cường 9 viên bi thì lúc này **số bi của hai anh em bằng nhau**. Hỏi lúc đầu anh Hùng nhiều hơn em Cường bao nhiêu viên bi.

b) Cho phép chia $12:6$. Hãy tìm một số sao cho khi lấy số bị chia trừ đi số đó. Lấy số chia cộng với số đó thì được 2 số mới **sao cho hiệu của chúng bằng không**.

Bài 3: Cho phép chia $49 : 7$ Hãy tìm một số sao cho khi lấy số bị chia trừ đi số đó, lấy số chia cộng với số đó thì được 2 số mới **có thương là 1**.

Bài 4: Cho các chữ số 4; 5; 6. Hãy lập tất cả các số **có 3 chữ số** mà mỗi số **có đủ 3 chữ số đã cho**. Tính tổng các số đó.

Bài 5:

a. Có bao nhiêu số chỉ có 3 chữ số .

b. Có bao nhiêu số có 3 **chữ số đều lẻ**.

Bài 6: Có 9 đồng tiền đúc hệt nhau. Trong đó có 8 đồng tiền có khối lượng bằng nhau còn một đồng có khối lượng lớn hơn. Cần tìm ra đồng tiền có khối lượng hơn mà chỉ dùng cân hai đĩa **với hai lần cân là tìm đúng đồng tiền đó**. Hỏi phải cân như thế nào?

Bài 7: Có 8 cái nhẫn hình thức giống nhau như hệt, trong đó có 7 cái nhẫn có khối lượng bằng nhau còn một cái có khối lượng nhỏ hơn các cái khác. Cần tìm ra cái nhẫn có khối lượng nhỏ hơn đó mà chỉ dùng **cân hai đĩa và chỉ với hai lần cân là tìm được**.

Bài 8: Trung bình cộng của 3 số là 369. Biết trong 3 số đó có một số có **một số có 3 chữ số, một số có 2 chữ số, một số có 1 chữ số**. Tìm 3 số đó.

Bài 9: Trung bình cộng của 3 số là 37. Tìm 3 số đó biết rằng trong 3 số đó có **một số có 3 chữ số, một số có 2 chữ số, 1 số có 1 chữ số**.

Bài 10: Tổng số tuổi của hai cha con là 64. Tìm số tuổi mỗi người biết **tuổi cha kém 3 lần tuổi con là 4 tuổi**.

Bài 11: Tổng số tuổi của 2 mẹ con là 58 tuổi .Tuổi **mẹ hơn 4 lần tuổi con là 3 tuổi** .tính tuổi của mỗi người.

Bài 12: Tuổi con nhiều hơn $\frac{1}{4}$ tuổi bố là 2. Bố hơn con 40 tuổi. Tìm tuổi con tuổi bố.

Bài 13: Tuổi me hơn 3 lần tuổi con là 8 tuổi. Me hơn con 28 tuổi. Tính tuổi mỗi người.

3. DẠNG TÌM HAI SỐ KHI BIẾT 2 HIỆU SỐ

Bài 1: Hiện nay, Minh 10 tuổi, em Minh 6 tuổi, còn mẹ của Minh 36 tuổi. Hỏi bao nhiêu năm nữa tuổi mẹ bằng tổng số tuổi của hai anh em.

Bài 2: Bể thứ nhất chứa 1200 lít nước. Bể thứ 2 chứa 1000 lít nước. Khi bể không có nước người ta cho 2 vòi cùng chảy 1 lúc vào 2 bể. Vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được 200 lít. Vòi thứ 2 mỗi giờ chảy được 150 lít. Hỏi sau bao lâu số nước còn lại ở 2 bể bằng nhau.

Bài 3: Cùng 1 lúc xe máy và xe đạp cùng đi về phía thành phố xe máy cách xe đạp 60km. Vận tốc xe máy là 40 km/h vận tốc xe đạp là 25 km /h.

Hỏi sau bao lâu xe máy đuổi kịp xe đạp.

Bài 4 : Một con Chó đuổi theo một con thỏ. Con chó cách con thỏ 20m. Mỗi bước con thỏ nhảy được 30cm, con chó nhảy được 50 cm.Hỏi sau bao nhiêu bước con chó bắt được con thỏ ? Biết rằng con thỏ nhảy được 1 bước thì con chó cũng nhảy được 1 bước.

Bài 5: Hai bác thợ mộc nhận bàn ghế về đóng .Bác thứ nhất nhận 60 bộ. Bác thứ 2 nhận 45 bộ. Cứ 1 tuần bác thứ nhất đóng được 5 bộ ,bác thứ hai đóng được 2 bộ. Hỏi sau bao lâu số ghế còn lại của 2 bác bằng nhau.

Bài 6: Hai bác thợ mộc nhận bàn ghế về đóng .Bác thứ nhất nhận 120 bộ. Bác thứ 2 nhận 80 bộ. Cứ 1 tuần bác thứ nhất đóng được 12 bộ, bác thứ hai đóng được 4 bộ. Hỏi sau bao lâu số ghế còn lại của bác thứ nhất bằng $\frac{1}{2}$ số bộ bàn ghế của bác thứ 2.

Bài 7: Hai bể nước có dung tích bằng nhau .Cùng 1 lúc người ta cho 2 vòi nước chảy vào 2 bể. Vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được 50 lít nước. Vòi thứ 2 mỗi giờ chảy được 30 lít nước. Sau khi bể thứ nhất đầy nước thì bể thứ 2 phải chảy thêm 600 lít nữa mới đầy. Hỏi dung tích của bể là bao nhiêu lít nước?

4. DẠNG TOÁN TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

Bài 1: Mẹ 49 tuổi, tuổi con bằng $\frac{2}{7}$ tuổi mẹ. Hỏi con bao nhiêu tuổi?

Bài 2: Mẹ 36 tuổi, tuổi con bằng $\frac{1}{6}$ tuổi mẹ. Hỏi bao nhiêu năm nữa tuổi con bằng $\frac{1}{3}$ tuổi mẹ?

Bài 3: Bác An có một thửa ruộng. Trên thửa ruộng ấy bác dành $\frac{1}{2}$ diện tích để trồng rau. $\frac{1}{3}$ Để đào ao phần **còn lại** dành làm đường đi. Biết diện tích làm đường đi là $30m^2$. Tính diện tích thửa ruộng.

Bài 4: Trong đợt kiểm tra học kì vừa qua ở khối 4 thầy giáo nhận thấy. $\frac{1}{2}$ Số học sinh đạt điểm giỏi, $\frac{1}{3}$ số học sinh đạt điểm khá, $\frac{1}{10}$ số học sinh đạt trung bình còn lại là số học sinh đạt điểm yếu. Tính số học sinh đạt điểm yếu biết số học sinh giỏi là 45 em.

Nhận xét: Để tìm được số học sinh yếu thì cần tìm phân số chỉ số học sinh yếu.

Cần biết số học sinh của khối dựa vào số học sinh giỏi

Bài 5:

a) Một cửa hàng nhận về một số hộp xà phòng. Người bán hàng để lại $\frac{1}{10}$ số hộp bày ở quầy, còn lại đem cất vào tủ quầy. Sau khi bán 4 hộp ở quầy người đo nhận thấy **số hộp xà phòng cất đi gấp 15 lần số hộp xà phòng còn lại ở quầy**. Tính số hộp xà phòng cửa hàng đã nhập.

Nhận xét: ở đây ta nhận thấy số hộp xà phòng cất đi không thay đổi vì vậy cần bám vào đó bằng cách lấy số hộp xà phòng cất đi làm mẫu số. tìm phân số chỉ 4 hộp xà phòng.

b) Một cửa hàng nhận về một số xe đạp. Người bán hàng để lại $\frac{1}{6}$ số xe đạp bày bán, còn lại đem cất vào kho. Sau khi bán 5 xe đạp ở quầy người đo nhận thấy **số xe đạp cất đi gấp 10 lần số xe đạp còn lại ở quầy**. Tính số xe đạp cửa hàng đã nhập.

c) Trong đợt hưởng ứng phát động trồng cây đầu năm, số cây lớp 5a trồng bằng $\frac{3}{4}$ số cây lớp 5b. Sau khi nhẩm tính thầy giáo nhận thấy nếu lớp 5b trồng giảm đi 5 cây thì số cây lúc này của lớp 5a sẽ bằng $\frac{6}{7}$ số cây của lớp 5b.

Sau khi thầy giáo nói như vậy bạn Huy đã nhẩm tính ngay được số cây cả 2 lớp trồng được. Em có tính được như bạn không?

Bài 6: Một giá sách có 2 ngăn. Số sách ở ngăn dưới gấp 3 lần số sách ở ngăn trên. Nếu chuyển 2 quyển từ ngăn trên xuống ngăn dưới thì số sách ở ngăn dưới sẽ gấp 4 lần số sách ở ngăn trên. Tính số sách ở mỗi ngăn.

Bài 7: Hai kho có 360 tấn thóc. Nếu lấy $\frac{1}{3}$ số thóc ở kho thứ nhất và $\frac{2}{5}$ số thóc ở kho thứ 2 thì số thóc còn lại ở 2 kho bằng nhau.

a. Tính số thóc lúc đầu mỗi kho.

b. Hỏi đã lấy ra ở mỗi kho bao nhiêu tấn thóc.

Bài 8: Hai bể chứa 4500 lít nước. Người ta tháo ở bể thứ nhất $\frac{2}{5}$ bể. Tháo ở bể thứ hai là $\frac{1}{4}$ bể thì số nước còn lại ở hai bể bằng nhau. Hỏi mỗi bể chứa bao nhiêu lít nước .

Bài 9: Hai bể chứa 4500 lít nước. Người ta tháo ở bể thứ nhất 500 lít. Tháo ở bể thứ hai là 1000 lít thì số nước còn lại ở hai bể bằng nhau. Hỏi mỗi bể chứa bao nhiêu lít nước .

5. DẠNG TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ CỦA 2 SỐ ; HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ

Bài 1: Một chiếc đồng hồ cứ 30 phút chạy nhanh 2 phút. Lúc 6 giờ sáng người ta lấy lại giờ nhưng không chỉnh lại đồng hồ nên nó vẫn chạy nhanh. Hỏi khi đồng hồ chỉ 16 giờ 40 phút thì khi đó là mấy giờ đúng?

Phân tích

(Thời gian chỉ trên đồng hồ chính là tổng thời gian chạy đúng và chạy nhanh-nên ta đưa bài toán về dạng toán tìm 2 số khi biết tổng và tỉ)

Bài 2: Một chiếc đồng hồ cứ 30 phút chạy chậm 2 phút. Lúc 6 giờ sáng người ta lấy lại giờ nhưng không chỉnh lại đồng hồ nên nó vẫn chạy chậm. Hỏi khi đồng hồ chỉ 15 giờ 20 phút thì khi đó là mấy giờ đúng?

Phân tích

(Thời gian chỉ trên đồng hồ (15 giờ 20 phút) chính là hiệu thời gian chạy đúng và chạy chậm-nên ta đưa bài toán về dạng toán tìm 2 số khi biết hiệu và tỉ)

Bài 3: Một trường tiểu học có 560 học sinh và 25 thầy cô giáo. Biết cứ có 3 học sinh nam thì có 4 học sinh nữ và cứ có 2 thầy giáo thì có 3 cô giáo. Hỏi trường đó có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 4: Nhân dịp đầu xuân khối 4 trường tiểu học Nga Điền tổ chức trồng cây. Cả 3 lớp trồng được 230 cây. Tìm số cây mỗi lớp biết cứ lớp 4a trồng được 3 cây thì 4b trồng được 2 cây. Cứ lớp 4b trồng được 3 cây thì lớp 4c trồng được 4 cây.

6. MỘT SỐ BÀI TOÁN TUỔI

Bài 1: Hiện nay tuổi em bằng $\frac{2}{3}$ tuổi anh. Đến khi tuổi em bằng tuổi anh hiện nay thì tổng số tuổi của hai anh em là 49 tuổi. Tính tuổi hiện nay của mỗi người.

Bài 2: Hiện nay bố gấp 6 lần tuổi con. 4 năm nữa bố gấp 4 lần tuổi con. Tính tuổi hiện nay của mỗi người.

Bài 3: Tổng số tuổi của ông, bố và cháu là 120 tuổi. Tính tuổi mỗi người biết tuổi ông là bao nhiêu năm thì cháu bấy nhiêu tháng và cháu bao nhiêu ngày thì bố bấy nhiêu tuần

Bài 4: Hiện nay tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con. Năm năm nữa tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con. Tính tuổi hiện nay của mỗi người.

7. MỘT SỐ BÀI TOÁN KHÁC VỀ TỈ SỐ

Bài 1: Hai lớp 4a và 4b đi trồng cây cả 2 lớp trồng được 70 cây. Tính số cây mỗi lớp biết $\frac{1}{4}$ số cây lớp 4a bằng $\frac{1}{5}$ số cây lớp 4b.

Bài 2: Hai lớp 4a và 4b đi trồng cây cả 2 lớp trồng được 110 cây. Tính số cây mỗi lớp biết $\frac{1}{3}$ số cây lớp 4a bằng $\frac{2}{5}$ số cây lớp 4b.

Bài 3: Một trường có 600 học sinh và 25 thầy cô giáo. Người ta thấy cứ có 2 học sinh nam thì có 3 học sinh nữ, cứ có 3 cô giáo thì có 1 thầy giáo. Hỏi trường đó có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 4 : Tìm hai số có tổng bằng 840 và nếu lấy số thứ nhất nhân với 3 thì bằng số thứ hai nhân với 4.

Bài 5 Tìm hai số có tổng bằng 840 và nếu lấy số thứ nhất chia cho 3 thì bằng số thứ hai chia cho 4.

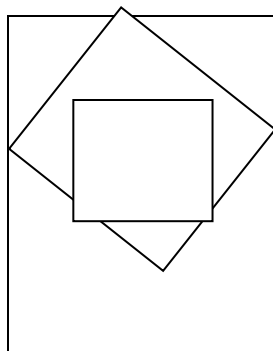
Bài 6: Một cửa hàng nhận về một số hộp xà phòng. Người bán hàng để lại $\frac{1}{10}$ số hộp bày ở quầy, còn lại đem cất vào tủ quầy. Sau khi bán 4 hộp ở quầy người đo nhận thấy số hộp xà phòng cất đi gấp 15 lần số hộp xà phòng còn lại ở quầy. Tính số hộp xà phòng cửa hàng đã nhập.

Bài 7: Cho một số chia cho 7 và 9 đều dư 3. Biết thương của phép tính chia số đó cho 9 nhỏ hơn thương của phép chia số đó cho 7 là 2. Tìm số đã cho.

Bài 8: Một giá sách có 2 ngăn. Số sách ở ngăn dưới gấp 3 lần số sách ở ngăn trên. Nếu chuyển 2 quyển từ ngăn trên xuống ngăn dưới thì số sách ở ngăn dưới sẽ gấp 4 lần số sách ở ngăn trên . Tính số sách ở mỗi ngăn.

8. CÁC BÀI TOÁN CÓ NỘI DUNG HÌNH HỌC

Bài 1: Một hình vuông có cạnh 10m . Người ta vẽ các hình vuông nhỏ (như hình vẽ) tính tổng diện tích các hình vuông



Bài 2:

a: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 100m .Người ta tăng chiều dài lên $\frac{1}{3}$ chiều dài thì chu vi hình chữ nhật mới là 120m.

Tính diện tích thửa ruộng ban đầu .

b: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 100m .Người ta giảm chiều dài đi $\frac{1}{3}$ chiều dài thì chu vi hình chữ nhật mới là 80m.

Tính diện tích thửa ruộng ban đầu .

Bài 3

a: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 110m . Nếu tăng chiều rộng 5 m và giảm chiều dài 5 m thì diện tích thửa ruộng không thay đổi .Tính diện tích thửa ruộng

b : Một thửa đất hình vuông trên thửa đất đó người ta đào một cái ao hình vuông cạnh cái ao cách đều cạnh thửa đất .Chu vi cái ao kém chu vi thửa đất là 64 m.Tính diện tích cái ao biết diện tích phần đất còn lại là 600m^2 .

c: Bác An có một mảnh đất vườn chữ nhật .ở một góc vườn bác đào một cái ao hình vuông có 1 cạnh cách chiều rộng mảnh vườn 33 m còn cạnh kia cách chiều dài mảnh vườn là 17 m .Biết diện tích phần đất còn lại là 1311m^2 . Tính diện tích mảnh vườn.

d: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 200 m .chiều dài hình chữ nhật hơn 2 lần chiều rộng là 10m.Tính diện tích thửa ruộng.

d: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 160 m .chiều dài hình chữ nhật kém 2 lần chiều rộng là 10m.Tính diện tích thửa ruộng.

e: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 200 m Dọc theo chiều dài người ta ngăn thửa ruộng thành 2 thửa ruộng nhỏ .Biết 1 trong 2 thửa ruộng là hình vuông và chu vi thửa ruộng hình vuông nhỏ hơn chu vi thửa ruộng hình chữ nhật nhỏ là 20m Tính diện tích thửa ruộng ban đầu.

g: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 160 m Dọc theo chiều dài người ta ngăn thửa ruộng thành 2 thửa ruộng nhỏ .Biết 1 trong 2 thửa ruộng là hình vuông và chu vi thửa ruộng hình vuông lớn hơn chu vi thửa ruộng hình chữ nhật nhỏ là 20m Tính diện tích thửa ruộng ban đầu.

h: Một thửa ruộng hình chữ nhật có *chiều dài gấp 3 lần chiều rộng* . Nếu *tăng chiều rộng 5m và giảm chiều dài 5 m* thì diện tích *tăng thêm $300m^2$* . Tính diện tích thửa ruộng ban đầu

Bài 4: Một hình chữ nhật, nếu tăng chiều rộng để bằng chiều dài của nó thì diện tích tăng thêm $20m^2$, còn khi giảm chiều dài cho bằng chiều rộng thì diện tích giảm $16 m^2$. Tính diện tích hình chữ nhật

Bài 5: Một hình chữ nhật có diện tích $135m^2$. Chiều dài bằng $\frac{3}{5}$ chiều rộng .Tính chu vi hình chữ nhật.

Bài 6: Một cái sân hình chữ nhật có chu vi 110m. Người ta tăng chiều rộng lên 5m thì sân trở thành hình vuông . tính diện tích cái sân ban đầu.

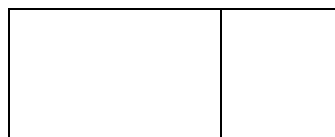
Bài 7: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 180 m nếu giảm chiều dài 10 m thì mảnh vườn trở thành mảnh vườn hình vuông .Tính diện tích mảnh vườn ban đầu .

Bài 8: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 150 m .Nếu giảm chiều dài 10m và tăng chiều rộng 5m thì được một hình chữ nhật mới có chiều dài gấp 4 chiều rộng .Tính diện tích mảnh vườn.

Bài 9: Một hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 chiều rộng . Nếu tăng chiều rộng lên 24 m thì được hình chữ nhật mới có chiều dài gấp 3 chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật.

Bài 10: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài gấp 4 lần chiều rộng . Nếu tăng chiều dài 5m và giảm chiều rộng 5 m thì diện tích giảm đi $256m^2$. Tính diện tích mảnh vườn.

Bài 11: Một cái ao hình chữ nhật có chu vi 120 m .Dọc theo chiều dài người ta ngăn cái ao thành 2 ao nhỏ (Hình vẽ). Tổng chu vi 2 ao mới tạo thành là 180 m .Tính diện tích cái ao ban đầu.



Bài 12: Sân trường em hình vuông .Để tăng thêm diện tích nhà trường đã mở rộng về mỗi phía 3m thì diện tích tăng thêm là $196 m^2$. Hỏi trước đây sân trường em có diện tích là bao nhiêu m^2 ?

Bài 13: Một hình chữ nhật ABCD được chia thành 4 hình chữ nhật bằng nhau, tổng chu vi 4 hình chữ nhật là 96cm. Tính chu vi hình chữ nhật ABCD?

Hướng dẫn:

Theo đề bài, hcn to chia thành 4 hcn nhỏ nhưng không hiểu là chia dọc theo chiều rộng hay dọc theo chiều dài của hcn, hay chia theo từ điểm giữa của chiều dài và chiều rộng.

- Nếu dọc theo chiều rộng hcn thì tổng chu vi của 4 hcn nhỏ là $2 \times \text{chiều dài hcn to} + 8 \times \text{chiều rộng hcn to} \Rightarrow$ không tính được

- Nếu dọc theo chiều dài hcn thì tổng chu vi 4 hcn nhỏ là: $2 \times \text{chiều rộng hcn to} + 8 \times \text{chiều dài hcn to} \Rightarrow$ không tính được

- Nếu chia theo trung điểm của chiều dài và chiều rộng thì sẽ được tính như sau: $\square$

$\square\square$ Chu vi 4 hình chữ nhật nhỏ bằng 3 lần chiều dài cộng 3 lần chiều rộng của hình lớn.

Vậy chu vi hình chữ nhật ABCD $= 96 : 3 \times 2 = 64\square\square\square\square\square\square\square\square$

9. CÁC DẠNG TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN CHIA HẾT

Bài 1: Trong giờ tập thể dục của lớp 4a thầy giáo cho các bạn học sinh xếp hàng .lúc thì cho xếp hàng 8 ,lúc xếp hàng 6,lúc lại xếp hàng 4,hàng 3 hàng 2 vẫn thấy vừa đủ .Các bạn tính xem lớp 4a có bao nhiêu bạn biết biết số học sinh là số nhỏ hơn 48.

Bài 2: Mẹ có một số táo mẹ xếp vào đĩa .Khi xếp vào đĩa mẹ nhận thấy nếu xếp mỗi đĩa 9 quả hay 12 quả thì cũng vừa hết .Hỏi mẹ có bao nhiêu quả táo ? biết số táo lớn hơn 30 nhỏ hơn 40

Bài 3: Ở một bến cảng có ba con tàu A, B, C. Tàu A cứ 3 ngày cập bến 1 lần, tàu B là 4 ngày cập bến 1 lần, tàu C là 5 ngày. Nếu một hôm nào đó cả ba tàu cùng cập bến thì hỏi sau bao nhiêu ngày ba tàu lại cùng cập bến.

Bài 4: Trong giờ tập thể dục của lớp 4 b thầy giáo cho các bạn học sinh xếp hàng .lúc thì cho xếp hàng 8 ,lúc xếp hàng 6,lúc lại xếp hàng 4,hàng 3 hàng 2 đều thấy hàng cuối thiếu 1 người .Các bạn tính xem lớp 4b có bao nhiêu bạn .Biết biết số học sinh là số nhỏ hơn 48.

Bài 5: Trong giờ tập thể dục của lớp 4 c thầy giáo cho các bạn học sinh xếp hàng. Lúc thì cho xếp hàng 8, lúc xếp hàng 6, lúc lại xếp hàng 4, hàng 3 hàng 2 đều thấy thừa 1 người . Các bạn tính xem lớp 4c có bao nhiêu bạn, biết biết số học sinh là số nhỏ hơn 48.

Bài 6: Mẹ có một số táo mẹ xếp vào đĩa . Khi xếp vào đĩa mẹ nhận thấy nếu xếp mỗi đĩa 9 quả hay 12 quả thì đĩa cuối đều thiếu 2 quả . Hỏi mẹ có bao nhiêu quả táo ? Biết số táo lớn hơn 30 nhỏ hơn 40.

Bài 7: Một ông tướng cầm quân đi dẹp giặc .Ông cho quân xếp hàng 10 thì thấy hàng cuối thiếu 1 người ,thấy vậy ông lại cho quân xếp hàng 9 thì thấy hàng cuối vẫn thiếu 1 người;thế là ông lại cho quân xếp hàng 8 thì hàng cuối vẫn thiếu 1 người. Ông bèn cho xếp hàng 7; 6; 5; 4 ; 4; 2 đều vẫn như vậy.

Tính hộ xem ông tướng có bao nhiêu quân biết số quân của ông ít hơn 5000

10. CÁC DẠNG TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN TỪ A SANG B ; B SANG C; C SANG ...

Bài 1: Ba kho chứa 560 tấn thóc. Nếu chuyển 30 tấn từ kho thứ nhất sang kho thứ 2 Sau đó chuyển 25 tấn từ kho thứ 2 sang kho thứ 3 rồi chuyển 12 tấn từ kho thứ 3 sang kho thứ nhất thì số thóc ở 3 kho bằng nhau .Tính số thóc mỗi kho.

Bài 2 Ba kho chứa 240 tấn thóc .Nếu chuyển 25 tấn từ kho thứ nhất sang kho thứ 2 Sau đó chuyển 35 tấn từ kho thứ 2 sang kho thứ 3 thì số thóc ở 3 kho bằng nhau. Tính số thóc mỗi kho.

Bài 3: Ba lớp 4a;4b;4c đi trồng cây cả 3 lớp trồng được 120 .Số cây lớp 4a và 4 b trồng được là 70 cây ;số cây lớp 4b và 4c là 90 cây ;số cây lớp 4c và 4a là 80 cây . Tính số cây mỗi lớp .

11.CÁC DẠNG TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN SỐ THÊM BỚT TỬ SỐ MẪU SỐ ,CẢ TỬ SỐ VÀ MẪU SỐ

*** TÌM PHÂN SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA TỬ SỐ VÀ MẪU SỐ.**

VD1: Cho phân số có tổng của tử số và mẫu số là 68. Tìm phân số đó biết nếu chuyển 6 đơn vị từ mẫu số lên tử số thì phân số có giá trị bằng 1.

*** Tìm số tự nhiên a sao cho khi bớt cả tử số và mẫu số đi a đơn vị thì ta được phân số mới . (Hiệu sẽ không thay đổi dựa vào hiệu để giải)**

VD2: Cho phân số $35/45$.Tìm số tự nhiên a sao cho khi ta bớt cả tử số và mẫu số đi a đơn vị thì ta được phân số $2/3$.

***Tìm số tự nhiên a sao cho khi thêm cả tử số và mẫu số a đơn vị thì ta được phân số mới . (Hiệu sẽ không thay đổi dựa vào hiệu để giải)**

VD3: Cho phân số $17/25$.Tìm số tự nhiên a sao cho khi ta bớt cả tử số và mẫu số đi a đơn vị thì ta được phân số $2/3$.

-Tìm số tự nhiên a sao cho khi thêm (hoặc bớt) tử số đi a đơn vị ta được phân số mới .(Mẫu số không đổi cần dựa vào mẫu số để giải)

VD 4: Cho phân số $34/90$.Hỏi phải bớt tử số bao nhiêu đơn vị để được phân số có giá trị bằng $1/5$

***Tìm số tự nhiên a sao cho khi thêm hoặc bớt mẫu số a đơn vị ta được phân số mới. (Tử số không đổi cần dựa vào tử số để giải)**

BÀI TẬP

1. Cho phân số $35/54$ Hỏi phải bớt tử số đi bao nhiêu đơn vị để được phân số $5/9$.

2.Cho phân số $15/54$ Hỏi phải bớt mẫu số đi bao nhiêu đơn vị để được phân số $3/10$.

*** Chuyển từ tử số xuống mẫu số a đơn vị (hoặc mẫu số lên tử số a đơn vị thì phân số có giá trị...) Tổng của tử số và mẫu số không thay đổi dựa vào tổng để giải .**

Ví dụ : Cho phân số $13/47$ Hỏi phải chuyển bao nhiêu đơn vị từ tử số xuống mẫu số để được phân số $1/5$.

CHÚ Ý:Dạng bài này cần xác định hiệu của tử số và mẫu số (Lưu ý khi có cụm từ phân số bằng 1 nghĩa là tử số bằng mẫu số)

Bài 1: Cho phân số có tổng của tử số và mẫu số là 68 Tìm phân số đó biết nếu chuyển 6 đơn vị từ mẫu số lên tử số thì phân số có giá trị bằng 1.

Bài 2. Cho phân số $\frac{35}{54}$ Hỏi phải bớt tử số đi bao nhiêu đơn vị để được phân số $\frac{5}{9}$.

12. CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUAN DÂY SỐ THEO QUY LUẬT

* DÂY SỐ TỰ NHIÊN

* DÂY PHÂN SỐ

13. CÁC DẠNG TOÁN KHỬ

Bài 1: Mua 3 lọ mực và 4 cái bút hết 25000 đồng .

Mua 5 lọ mực và 4 cái bút hết 31000 đồng .

Tính giá tiền mỗi loại.

Bài 2: Minh mua 5 quyển vở và 8 quyển sách hết 75500 đồng.

Tâm mua 3 quyển sách và 10 quyển vở hết 73000 đồng

Tính giá tiền mỗi loại.

Bài 3: Mua 3 m vải hoa và 7 m vải xanh hết 370 000 đồng

Mua 4 m vải hoa và 5 m vải xanh phải trả 320 000 Đồng.

Tính giá tiền 1m vải mỗi loại.

Bài 4: Minh mua 5 quyển vở và 8 quyển sách hết 42000 đồng.

Biết một quyển sách có giá gấp 2 lần 1 quyển vở.

Tính giá tiền mỗi loại

14. BÀI TOÁN GIẢ THIẾT TẠM

Vừa gà vừa chó

Bó lại cho tròn
Ba mươi sáu con
Một trăm chân chẵn
Hỏi có bao nhiêu gà bao nhiêu chó?

15. CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUAN TRỒNG CÂY

16. MỘT SỐ BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ SỐ-LẬP TỈ SỐ- NHÓM

Bài 1 : Một trường tiểu học có 560 học sinh và 25 thầy cô giáo .Biết cứ có 3 học sinh nam thì có 4 học sinh nữ và cứ có 2 thầy giáo thì có 3 cô giáo. Hỏi trường đó có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 2

a) Nhân dịp đầu xuân khối 4 trường tiểu học Nga Điền tổ chức trồng cây. Cả 3 lớp trồng được 230 cây .Tìm số cây mỗi lớp biết cứ lớp 4a trồng được 3 cây thì 4b trồng được 2 cây . Cứ lớp 4b trồng được 3 cây thì lớp 4c trồng được 4cây.

b) Đường từ nhà Lan đến trường dài 3 km dọc theo 2 bên đường người ta trồng cây *cứ 1 cây phi lao lại đến 1cây phi lao nữa đến cây bạch đàn rồi đến 1 cây xoan*. Mỗi cây cách nhau 20 m. Hỏi trồng mỗi loại có bao nhiêu cây biết trồng cả 2 đầu đường. (Nên dùng nhóm)

17. MỘT SỐ BÀI TOÁN GIẢI NGƯỢC TỪ CUỐI

Bài 1: Lan có một số nhãn vở .Lan tặng Mai $\frac{1}{2}$ số nhãn vở và 1chiếc. Lan tặng Hoà $\frac{1}{2}$ số nhãn vở còn lại và 2 chiếc .Lan tặng Nga $\frac{1}{2}$ số nhãn vở còn lại sau 2 lần và 3 chiếc .Cuối cùng Lan còn lại 6 chiếc cho Minh .Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu nhãn vở ,và tặng mỗi bạn bao nhiêu nhãn vở.

Bài 2, Một bà đem trứng đi chợ bán .Lần đầu bà bán $\frac{1}{2}$ số trứng và $\frac{1}{2}$ quả trứng. Lần 2 bà bán $\frac{1}{2}$ số trứng còn lại và $\frac{1}{2}$ quả trứng .Lần thứ 3 bà bán $\frac{1}{2}$ Số trứng còn lại sau 2 lần đầu và $\frac{1}{2}$ quả trứng nữa **thì vừa hết** . Hỏi bà đem ra chợ bán bao nhiêu quả trứng.

Bài 3: Mai có một số bông hồng ,Mai tặng Nga $\frac{1}{2}$ số hoa Mai có. Tặng Đào $\frac{1}{2}$ số còn lại .**Cuối cùng Mai còn 7 Bông dành cho mình**. Hỏi Mai đã tặng mỗi bạn bao nhiêu bông hoa.

18. DẠNG TOÁN CÔNG VIỆC

Bài 1:Bác An làm một công việc hết 8 giờ. Bác Bình cũng công việc ấy hết 5 giờ .Hỏi nếu 2 bác cùng làm công việc ấy thì sau bao nhiêu giờ sẽ hoàn thành?

Bài 2: Nếu bể không có nước vòi thứ nhất chảy trong 3 giờ sẽ đầy bể.Nếu bể không có nước vòi thứ 2 chảy trong 5 giờ sẽ đầy bể. Hỏi nếu bể không có nước cùng 1 lúc cho cả 2 vòi chảy thì trong bao lâu sẽ đầy bể?

Bài 3: Bác Minh làm Một công việc hết 8 giờ. Bác Tâm cũng công việc ấy làm hết 5 giờ .**Đầu tiên bác Minh làm một mình** sau khi làm được 4 giờ thì bác Tâm đến làm cùng với bác Minh .Hỏi sau bao nhiêu lâu nữa thì hai bác làm xong công việc đó?

Bài 4: Bác An làm một công việc hết 8 giờ. Bác Bình cũng công việc ấy hết 5 giờ. Lúc đầu 2 bác cùng làm nhưng sau khi làm được 3 giờ do bận công việc nên bác Bình phải đi làm việc khác .Hỏi bác An còn phải làm bao lâu nữa mới hoàn thành công việc ?

Bài 5: Nếu bể không có nước vòi thứ nhất chảy trong 4 giờ sẽ đầy bể.Nếu bể không có nước vòi thứ 2 chảy trong 5 giờ sẽ đầy bể. Khi bể không có nước người ta cho 2 vòi cùng chảy vào bể sau khi chảy được 2 giờ người ta tắt vòi thứ nhất để vòi thứ 2 chảy tiếp. Hỏi sau bao nhiêu thời gian nữa thì bể đầy nước?

ĐỀ TOÁN

(Đề 1)

Bài 1. Tính giá trị của của biểu thức sau:

a) $\frac{3}{7} : 3 + 5 \times \frac{2}{7} =$

b) $\frac{9}{5} - (\frac{3}{4} - \frac{1}{9}) =$

Bài 2. Tìm X:

a) $\frac{4}{7} + X = \frac{7}{8} - \frac{1}{4}$

b) $\frac{x}{30} = \frac{2}{5}$

Bài 3. Tìm 7 số lẻ liên tiếp biết trung bình cộng của chúng là 2875 ?

Bài 4. An thực hiện một phép nhân có thừa số thứ hai là 36, do sơ ý nên An đó viết tích riêng thẳng cột như phép cộng nên được kết quả sai là 3258. Tìm tích đúng của phép nhân?

Bài 5. Một hình chữ nhật có chu vi là 56 cm. Nếu bớt chiều dài 4cm và thêm vào chiều rộng 4 cm thì trở thành hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

ĐÁP ÁN

Bài 1: 2đ, đúng mỗi bài cho 1đ.

a) $\frac{11}{7}$ b) $\frac{209}{180}$

Bài 2: 2đ, đúng mỗi bài cho 1đ.

a) $X = \frac{3}{56}$ b) $X = 12$

Bài 3: 2đ, 7 số lẻ cần tìm cú trung bình cộng là số chính giữa là 2875. Vậy các số đó là: 2869; 2871 ; 2873; 2875; 2877; 2879; 2881.

Bài 4: 2đ. Do viết tích riêng thẳng cột như phép cộng nên tích sai sẽ là $3 + 6 = 9$ lần thừa số thứ nhất. Vậy thừa số thứ nhất là: $3258 : 9 = 362$.

Tích đúng cần tìm là: $362 \times 36 = 13\,032$

Bài 5: 2đ. Khi bớt chiều dài 4cm và thêm vào chiều rộng 4cm thì chu vi vẫn không thay đổi. Suy ra cạnh hình vuông là: $56 : 4 = 14$ (cm)

Chiều dài hình chữ nhật là: $14 + 4 = 18$ (cm)

Chiều rộng hình chữ nhật là: $14 - 4 = 10$ (cm)

Diện tích hình chữ nhật là: $18 \times 10 = 180$ (cm²)

TOÁN (Đề 2)

Bài 1: Tìm y:

a) $5,4 - y + 2,7 = 1,05$

$$y + y \times \frac{1}{3} : \frac{2}{9} + y : \frac{2}{7} = 252$$

b) **Bài 2:** Cho biểu thức $A = \frac{2008 - 1508 : (a - 15)}{316 + 6,84 : 0,01}$

Tìm giá trị số tự nhiên của a để biểu thức A có giá trị lớn nhất, giá trị lớn nhất đó của A là bao nhiêu ?

Bài 3: Tính nhanh

a.
$$\frac{0,18 \times 1230 + 0,9 \times 4567 \times 2 + 3 \times 5310 \times 0,6}{1 + 4 + 7 + 10 + \dots + 52 + 55 - 414}$$

b. $9,8 + 8,7 + 7,6 + \dots + 2,1 - 1,2 - 2,3 - 3,4 - \dots - 8,9$

Bài 4: Có ba vòi chảy vào bể nước. Vòi thứ nhất chảy một mình trong 10 giờ thì đầy bể; vòi thứ hai chảy trong 5 giờ thì đầy bể; vòi thứ ba chảy trong 6 giờ thì đầy bể. Hỏi:

- Một giờ cả 3 vòi chảy được mấy phần bể nước?
- Nếu cả 3 vòi cùng chảy thì sau bao nhiêu lâu sẽ đầy bể?

Bài 5: Một trường Tiểu học có một mảnh đất hình chữ nhật. Nếu chiều dài tăng thêm 4m, chiều rộng tăng thêm 5m thì diện tích tăng thêm 250m^2 . Nếu chỉ có chiều rộng tăng thêm 5m thì diện tích tăng thêm 150m^2 .

- Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.
- $\frac{2}{5}$ diện tích mảnh đất trồng hoa, diện tích đất còn lại trồng cây cảnh. Hỏi diện tích trồng cây cảnh chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích mảnh đất?

TOÁN (Đề 3)

Bài 1. (2 điểm)

a/ Tìm chữ số tận cùng trong phép tính sau bằng cách nhanh nhất (nêu rõ cách làm)

$$2 \times 3 \times 4 \times 5 \times 6 + 42 : 7$$

b/ Không quy đồng, hãy so sánh hai phân số sau: $\frac{13}{27}$ và $\frac{7}{15}$

Bài 2. (2 điểm). Chia số A cho 26 được số dư là 17. Số A phải trừ đi bao nhiêu để phép chia không còn dư và thương giảm đi 1.

Bài 3. (2 điểm). Cho phân số $\frac{12}{37}$. Tìm một số tự nhiên để khi cộng số đó vào tử số và mẫu số của phân số thì được phân số $\frac{3}{8}$.

Bài 4. (2 điểm). Bác Nam có một thửa đất, bác dự tính một nửa số đất bác làm ao cá, $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại bác trồng khoai, $\frac{3}{4}$ số đất trồng cải thì diện tích còn lại là 200m^2 . Hỏi thửa đất của bác Nam có diện tích là bao nhiêu mét vuông ?

Bài 5. (2 điểm). Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích khu đất, biết rằng nếu giảm chiều dài đi 5m, tăng chiều rộng 5m thì diện tích tăng thêm 225m^2 .

ĐÁP ÁN

Bài 1.a/ $2 \times 3 \times 4 \times 5 \times 6 + 42 : 7$

Xét tích: $2 \times 3 \times 4 \times 5 \times 6$ ta thấy có thừa số 5 và cú ốt nhất một thừa số chẵn.

Do đó, tích $2 \times 3 \times 4 \times 5 \times 6$ là số chẵn tròn chục.

Vậy chữ số tận cùng của phép tính trên chính là thương của $42 : 7 = 6$.

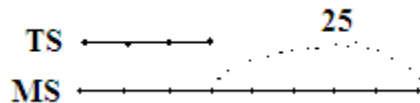
1.b/ Ta cùng nhân mỗi phân số với 2. $\frac{13}{27} = \frac{26}{27}$; $\frac{7}{15} = \frac{14}{15}$

Vì $\frac{1}{27} < \frac{1}{15}$ nên $\frac{26}{27} > \frac{14}{15}$ hay $\frac{13}{27} > \frac{7}{15}$.

Bài 2. Để phép chia còn dư thì A phải trừ số dư, để thương giảm đi 1 thì phải trừ đi một lần số chia. Vậy để phép chia không dư và thương giảm đi 1 thì A phải trừ $(17 + 16)$ đơn vị.

Bài 3. Hiệu mẫu số và tử số là $37 - 12 = 25$. Khi cộng một số vào mẫu số và tử số thì hiệu không thay đổi.

Ta có sơ đồ sau:



Tử số mới là $25 : 5 \times 3 = 15$.

Vậy, số cần tìm là: $15 - 12 = 3$.

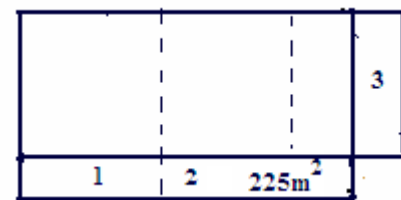
Bài 4. Bài giải:

Phân số chỉ diện tích đất trồng còn lại 200m^2 sau khi trồng cải là $1 - \frac{3}{4} = \frac{1}{4}$

Diện tích đất còn lại sau khi trồng khoai là: $200 : \frac{1}{4} = 800 (\text{m}^2)$

Diện tích đất sau khi đào ao cá là: $800 \times 2 = 1600(\text{m}^2)$

Diện tích của thửa đất là: $1600 \times 2 = 3200(\text{m}^2)$



Bài 5. Bài giải:

Theo bài ra ta có:

Diện tích Hình 1 bằng diện tích Hình 3, diện tích tăng thêm chính là diện tích Hình 2, và bằng 225 m^2

Chiều rộng khu vườn là: $(225 : 5 + 5) : 2 = 25\text{m}$.

Chiều dài khu vườn là: $25 \times 3 = 75\text{m}$.

Diện tích khu vườn là: $25 \times 75 = 1875\text{m}$

TOÁN (Đề 4)

Bài 1: Tìm X:

a) $(26 \times X + 1392) \times 15 = 25950;$

b) $24 \times X : 12 + 1987 = 2029.$

c) $2010 + X + X - X - \dots - X = 1920$ (trong đó có 10 chữ X)

Bài 2: Tính nhanh:

a) $1 + 4 + 7 + \dots + 151 + 154;$

b) $1 + 2 + 4 + 8 + \dots + 256 + 512;$

Bài 3: Tìm số có ba chữ số. Biết rằng số đó chia hết cho 15 và khi đọc ngược hay đọc xuôi thì số đó không thay đổi về giá trị.

Bài 4: Cho hình chữ nhật có chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó, biết rằng nếu ta tăng chiều dài và chiều rộng mỗi chiều 2m thì được một hình chữ nhật mới có diện tích tăng thêm 46m^2 .

Bài 5: Trên một mảnh đất hình vuông, người ta đào một cái ao cũng hình vuông. Cạnh của mảnh đất hơn cạnh ao 18 m. Diện tích đất còn lại để trồng rau là 468 m^2 . Tính chu vi mảnh đất.

TOÁN (Đề 5)

Bài 1: Tính nhanh:

a) $2 + 5 + 8 + \dots + 155 + 158$;

b) $75 \times 89 + 25 \times 27 + 2 \times 75$;

c) $77 \times 27 + 9 \times 24 + 15 \times 27$;

Bài 2:

Trong một phép chia có thương là 4 dư 3. Tổng của số chia, số bị chia và số dư là 91. Tìm số bị chia và số chia trong phép chia đó.

Bài 3:

Lan mua 3 quyển sách và 6 quyển vở hết tất cả 44400 đồng. Hôm sau Huệ mua 4 quyển sách và 5 quyển vở như thế hết tất cả 46600 đồng. Tính giá tiền mỗi quyển sách? Mỗi quyển vở ?

Bài 4:

Cho hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó, biết rằng nếu ta tăng chiều rộng 3 m đồng thời giảm chiều dài 3 m thì diện tích của nó tăng thêm 29 m^2 .

Bài 5:

Khi nhân một số tự nhiên với 54. Bạn An đã viết nhầm số 54 thành số 45 nên kết quả phép tính bị giảm đi 702 đơn vị. Em hãy tìm thừa số kia và thực hiện lại phép tính giúp bạn An

TOÁN (Đề 6)

Bài 1: Tính nhanh:

- a) $1 + 3 + 9 + 27 + 6561 + 19683$;
- b) $876 - 42 - 76 + 242$;
- c) $(1 + 2 + 3 + \dots) \times (25 \times 3 - 75) + 75$;

Bài 2: Tìm X:

- a) $970 - X + X + X + \dots + X = 1874$ (trong đó có 10 chữ X)
- b) $(5 + X) + (7 + X) + (9 + X) + \dots + (101 + X) + (103 + X) = 2850$;

Bài 3:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu ta viết thêm chữ số 0 xen giữa hai chữ số của nó ta được số mới gấp 6 lần số cần tìm.

Bài 4:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu ta viết chính số đó xen giữa hai chữ số của nó thì ta được số mới gấp 66 lần số cần tìm.

Bài 5:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu ta viết thêm vào bên phải và bên trái số đó mỗi bên một chữ số 2 thì được một số mới gấp 36 lần số cần tìm.

TOÁN (Đề 7)

Bài 1:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu ta viết thêm vào bên phải số đó chữ số 5 thì được số mới hơn số cần tìm 662 đơn vị.

Bài 2:

Hãy viết thêm hai chữ số vào bên phải số 772 để được một số có 5 chữ số chia hết cho 2, 5 và 9.

Bài 3:

Tìm số có hai chữ số. Biết rằng số đó chia hết cho 9 còn khi chia số đó cho 5 thì dư 2.

Bài 4:

Cho hình chữ nhật có chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó, biết rằng nếu ta tăng chiều dài và chiều rộng mỗi chiều 3 m thì được một hình chữ nhật mới có diện tích hơn hình chữ nhật ban đầu 72 m^2 .

Bài 5:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng số đó gấp 4 lần tổng các chữ số của nó.

Bài 6:

Hiện nay tổng số tuổi con và tuổi bố 32 tuổi và tuổi bố gấp 7 lần tuổi con. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tuổi bố gấp 4 lần tuổi con.

TOÁN (Đề 8)

Bài 1:

Một nhóm người gồm 8 học sinh và cô giáo. Tuổi trung bình cộng của cả nhóm là 11. Nếu không kể cô giáo thì tuổi trung bình cộng của 8 học sinh là 9 tuổi. Tính tuổi cô giáo.

Bài 2:

Hãy viết thêm 2 chữ số vào bên phải số 356 để được một số có 5 chữ số vừa chia hết cho 2 và 45.

Bài 3:

Cho hình chữ nhật có chu vi gấp 8 lần chiều rộng và có chiều dài 18 m. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 4:

Hòa có 15 bông hoa, Bình có số hoa bằng $\frac{4}{3}$ của Hòa, Huệ có số hoa nhiều hơn trung bình cộng của ba bạn 3 bông hoa. Hỏi Huệ có bao nhiêu bông hoa?

Bài 5:

Khi thực hiện phép nhân một số có ba chữ số với 27, Bạn Lan thực hiện như sau:

a) Bạn Lan thực hiện sai ở chỗ nào ?

b) Em hãy tìm thừa số thứ nhất và thực hiện lại phép tính.

$$\begin{array}{r}
 * * * \\
 \times \\
 \hline
 27 \\
 \hline
 * * * *
 \end{array}$$

TOÁN (Đề 9)

Bài 1: Tích sau có chữ số tận cùng là chữ số nào:

a) $3 \times 13 \times 23 \times 33 \times \dots \times 2003;$

b) $9 \times 19 \times 29 \times 39 \times \dots \times 2009$;

Bài 2:

Cho hình chữ nhật có diện tích 486 m^2 . Tính chu vi hình chữ nhật đó biết tổng chiều dài và chiều rộng gấp 5 lần hiệu chiều dài và chiều rộng.

Bài 3:

Khi thực hiện phép nhân một số có ba chữ số với 36, Bạn Lan thực hiện như sau:

a) Bạn Lan thực hiện sai ở chỗ nào ?

$$\begin{array}{r} * * * \\ \times \\ \hline 36 \end{array}$$

b) Em hãy tìm thừa số thứ nhất và thực hiện lại phép tính.

$$\begin{array}{r} * * * \\ \hline \end{array}$$

Bài 4:

Cho số tự nhiên $A = 444\dots444$ (gồm 10 chữ số 4). Hỏi A chia cho 15 dư bao nhiêu?

Bài 5:

Cho hình chữ nhật có chu vi gấp 3 lần chiều dài và có chiều rộng 7 m. Tính diện tích hình chữ nhật